

CẬP NHẬT THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 897 /TB-ĐHSPHN	Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

THÔNG BÁO

Về thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024

Mã trường: SPH; Địa chỉ: Số 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 0865.911.136; Cổng thông tin điện tử: www.hnue.edu.vn; Website tuyển sinh: www.tuyensinh.hnue.edu.vn

1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Khá trở lên.

2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh thí sinh người Việt Nam trong cả nước đối với tất cả ngành, chương trình đào tạo; tuyển sinh thí sinh người Việt Nam học THPT ở nước ngoài và thí sinh người nước ngoài đối với một số ngành, chương trình đào tạo.

3. Các phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024; Xét tuyển thẳng; Xét học bạ THPT; Thi tuyển (thi năng khiếu, thi đánh giá năng lực); Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 1, 2, điều 8 của *Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non* của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là diện XTT1). Thí sinh phải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh về Trường ĐHSPh Hà Nội. Các đối tượng tuyển sinh khác nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

- Ưu tiên cộng điểm hoặc phỏng vấn xét tuyển thẳng nếu thí sinh có viết bài luận đạt kết quả tốt.

3.1. Phương thức tuyển sinh 1 (PT1)

Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 để xét tuyển (*Tên ngành học, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển xem cụ thể ở mục 4 và mục 6*).

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển*: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Khá trở lên.

- *Thời gian đăng kí xét tuyển*: Từ 18/7 đến 17h00 ngày 30/7/2024.

- *Thời gian nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến*: Từ 31/7 đến 17h00 ngày 06/8/2024.

- *Thời gian công bố kết quả xét tuyển*: Trước 17h00 ngày 19/8/2024.

- *Hình thức đăng kí xét tuyển*: Thí sinh đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT. Thí sinh có thể đăng kí xét tuyển theo PT1 vào nhiều ngành khác nhau (không giới hạn số nguyện vọng xét tuyển) và đóng lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT.

- *Nguyên tắc xét tuyển*: Xét tuyển theo từng ngành. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm thi 03 môn, *bao gồm cả môn thi chính nhân hệ số 2 (nếu có) của tổ hợp đăng kí xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành*.

* Đối với các ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục mầm non – Sư phạm Tiếng Anh, Giáo dục thể chất, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, thí sinh dự tuyển theo Phương thức 1 còn phải tham dự Kỳ thi năng khiếu năm 2024 do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức để lấy kết quả thi năng khiếu xét tuyển kết hợp với kết quả thi tốt nghiệp THPT.

3.2. Phương thức tuyển sinh 2 (PT2)

Xét tuyển thẳng các thí sinh là học sinh tham gia các đội tuyển học sinh giỏi; học sinh các trường THPT chuyên (hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh), học sinh có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học quốc tế (gọi tắt là diện XTT2). Thí sinh chỉ được đăng kí duy nhất 01 nguyện vọng xét tuyển thẳng diện XTT2.

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển*: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì đạt loại Tốt, có học lực Giỏi cả 03 năm cấp THPT và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định dưới đây:

a.1. Thí sinh là học sinh thuộc đội tuyển cấp tỉnh/thành phố hoặc đội tuyển của trường THPT chuyên trực thuộc các trường đại học tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia cấp THPT.

a.2. Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên (hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh) đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh/thành phố/trường đại học.

a.3. Thí sinh là học sinh các trường THPT chuyên hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh.

a.4. Thí sinh là học sinh các trường THPT khác đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh/thành phố hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế: IELTS hoặc TOEFL iBT hoặc TOEIC; DELF hoặc TCF; HSK và HSKK; chứng chỉ Tin học Quốc tế MOS (*ngày cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính đến ngày 19/05/2024*).

* Thí sinh nếu học đầy đủ 03 năm học lớp 10, 11, 12 tại các trường THPT chuyên hoặc các trường THPT thực hành sư phạm trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh thì mới được xét điều kiện a.2, a.3.

* Thí sinh đáp ứng điều kiện a.1, a.2, a.3 diện XTT2 có các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế: IELTS hoặc TOEFL iBT (*thời hạn 2 năm tính đến ngày 19/05/2024*) được xem xét cộng điểm ưu tiên khi xét tuyển theo Phương thức 2 (XTT2) vào các ngành *Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh), Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh*; mức điểm ưu tiên (theo thang điểm 30) được quy đổi từ các chứng chỉ Tiếng Anh như sau:

Chứng chỉ	IELTS 6.5; 80 ≤ TOEFL iBT < 94	IELTS 7.0; 94 ≤ TOEFL iBT < 102	IELTS 7.5; 102 ≤ TOEFL iBT < 110	IELTS ≥ 8.0; 110 ≤ TOEFL iBT
Điểm cộng	1,0	2,0	2,5	3,0

Điểm ưu tiên được cộng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Nguyên tắc xét tuyển*: Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ a.1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp lần lượt đến a.2, a.3, a.4 cho đến hết chỉ tiêu. Đối với thí sinh đáp ứng cùng điều kiện (a.1, a.2, a.3 hoặc a.4), xét theo tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp môn học cấp THPT theo quy định của mỗi ngành (*đã cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định*).

- *Thông tin chi tiết* xem tại các mục 4, mục 6 và mục 8.

* Đối với các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất xét tuyển thẳng các thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp tại các trường năng khiếu nghệ thuật năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì đạt loại Khá trở lên, có học lực cả 03 năm cấp THPT đạt loại Khá trở lên và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định dưới đây:

b.1. Thí sinh đáp ứng mục c, d của khoản 5 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành thì được xét tuyển thẳng vào các ngành tương ứng (Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất) của Trường ĐHSP Hà Nội.

b.2. Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp loại Giỏi trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại các trường năng khiếu nghệ thuật hoặc các thí sinh đạt các giải Âm nhạc, Mỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thì được xét tuyển thẳng vào các ngành tương ứng (Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật) của Trường ĐHSP Hà Nội; Thí sinh là vận động viên cấp 1 được Cục thể dục thể thao công nhận hoặc thí sinh tham gia giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông toàn quốc thì được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục thể chất của Trường ĐHSP Hà Nội.

Nguyên tắc xét tuyển:

+ Xét tuyển lần lượt theo thứ tự ưu tiên bắt đầu từ b.1, nếu còn chỉ tiêu sẽ xét tiếp đến b.2 cho đến hết chỉ tiêu.

+ Đối với thí sinh đáp ứng cùng điều kiện (b.1 hoặc b.2), xét theo giải thưởng từ cao xuống thấp hơn, nếu số thí sinh đạt cùng điều kiện vượt quá chỉ tiêu thì xét tiếp đến tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của các môn Toán và Ngữ văn.

Thời gian được tính để hưởng ưu tiên xét tuyển thẳng là không quá 04 năm tính đến ngày 19/05/2024.

- Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 8.

3.3. Phương thức tuyển sinh 3 (PT3)

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập cấp THPT (gọi tắt là diện XTT3, xét học bạ, quy định cụ thể từng ngành xem tại mục 8).

- Điều kiện đăng kí xét tuyển:

+ Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Tốt và học lực cả 03 năm cấp THPT đạt loại Giỏi trở lên.

Riêng đối với ngành Sư phạm Tiếng Pháp, nếu thí sinh là học sinh hệ song ngữ tiếng Pháp thì điều kiện về học lực là lớp 12 đạt loại Giỏi; đối với ngành Sư phạm Công nghệ, điều kiện về học lực là lớp 12 đạt loại Giỏi.

+ Đối với các ngành khác (ngoài sư phạm): Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có hạnh kiểm tất cả 06 học kì và học lực cả 03 năm cấp THPT đạt loại Khá trở lên.

* Thí sinh chỉ được đăng kí xét tuyển vào một ngành theo diện XTT2, XTT3. Nếu đáp ứng điều kiện và đã đăng kí xét tuyển diện XTT2 thì thí sinh không đăng kí xét tuyển diện XTT3.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tổng điểm trung bình chung cả năm lớp 10, 11, 12 của môn học hoặc tổ hợp các môn học theo quy định của mỗi ngành (*đã cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định*).

Trước hết xét thí sinh diện XTT2 theo nguyên tắc xét tuyển của PT2, sau đó nếu còn chỉ tiêu, mới xét đến các thí sinh diện XTT3.

- *Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 8.*

3.4. Phương thức tuyển sinh 4 (PT4)

Áp dụng đối với thí sinh đăng kí xét tuyển vào các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất; xét tuyển dựa trên kết quả thi năng khiếu năm 2024 do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức, kết hợp với điều kiện về kết quả học tập cấp THPT. Thí sinh chỉ được đăng kí xét tuyển dựa trên kết quả thi năng khiếu vào duy nhất một ngành đào tạo.

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Khá trở lên và đáp ứng điều kiện về kết quả học tập cấp THPT quy định ở mục 7.1.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tuyển theo từng ngành. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa trên tổng điểm 02 môn thi năng khiếu tại Trường ĐHSP Hà Nội (*đã nhân hệ số 2 đối với môn chính của tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách, nếu có theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT*).

- *Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 7.1.*

3.5. Phương thức tuyển sinh 5 (PT5)

Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do Trường ĐHSP Hà Nội hoặc Trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thi trước ngày 25/5/2024 kết hợp với điều kiện về kết quả học tập cấp THPT (*Tên ngành học, mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển, xem cụ thể tại mục 4*). Thí sinh được đăng kí tối đa 02 nguyện vọng xét tuyển theo PT5; có thể đăng kí 02 tổ hợp khác nhau để xét tuyển vào cùng một ngành đào tạo, nếu có.

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT từ loại Khá trở lên và điểm trung bình chung của 05 học kì (học kì 1, 2 lớp 10, 11 và học kì 1 lớp 12) từ 6.5 trở lên.

- *Nguyên tắc xét tuyển:* Xét tuyển theo từng ngành dựa trên kết quả thi ĐGNL 02 môn (đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành). Riêng đối với các ngành: Giáo dục mầm non, Giáo dục mầm non – Sư phạm Tiếng Anh, xét theo tổng điểm môn thi năng khiếu năm 2024 tại Trường ĐHSP Hà Nội với các môn thi ĐGNL (đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành). Quy định các môn thi ĐGNL của từng ngành xem tại bảng mục 4, quy định các môn thi năng khiếu đối với các ngành có môn thi năng khiếu xem tại mục 7.1.

* Đối với thí sinh có hai nguyện vọng xét tuyển theo PT5, Trường xét nguyện vọng 1 trước, nếu trúng tuyển ở nguyện vọng 1 thì sẽ không xét tuyển nguyện vọng 2; nếu nguyện vọng 1 không trúng tuyển thì nguyện vọng 2 được xét tuyển như nguyện vọng 1.

* Các thí sinh nếu không dự thi ĐGNL do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức và đã dự thi ĐGNL chuyên biệt do Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh tổ chức trước ngày 25/5/2024 thì mới có thể đăng kí sử dụng kết quả thi ĐGNL chuyên biệt để xét tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội theo PT5.

- *Thông tin chi tiết xem tại các mục 4, mục 6 và mục 7.2.*

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu dự kiến theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh.

4.1. Các ngành đào tạo giáo viên (sư phạm - nhóm ngành I)

4.1.1 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2, PT5 hoặc PT4

S T T	Ngà nh học/ mã ngà nh	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5 hoặc PT4			
		Tổ hợp môn xét tuyển	C h i t i ê u	Môn/T ổ hợp xét tuyển	C h i t i ê u	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Mô n 1 (hệ số 2)	Mô n 2 (hệ số 1)	C h i t i ê u	Ghi chú

1	SP Toán học					Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Không ưu tiên xét tuyển thăng thí sinh có Chứng chỉ quốc tế				
	7140 209A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	50	Toán	10 0			Toá n	Vật lí	50	PT5
	7140 209 C							Toá n	Hó a học	50	PT5
2	SP Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh)					Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh					
	7140 209B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	4	Toán× 2, Tiếng Anh	24		Toá n	Tiế ng An h	24	PT5	
	7140 209 D	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	8								
3	SP Vật lí					Toán , Vật lí, Hóa học, Tin học	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600				
	7140 211A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	3	Vật lí	5			Vật lí	Toá n	5	PT5
	7140 211B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	2								
4	SP Vật lí (dạy Vật lí bằng tiếng Anh)					Toán , Vật lí, Hóa học,	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61;				

	7140 211C	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	3	Vật lí	5	Tin học	TOEIC ≥ 600	Vật lí	Tiế ng An h	5	PT5
	7140 211D	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	2								
5	SP Hoá học					Hóa học, Toán, Vật lí	IELTS ≥ 6.0;				
	7140 212A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	9	Toán ≥ 7.5, Vật lí ≥ 7.5, Hoá học ≥ 8.0	5		TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	Hó a học	Toá n	5	PT5
	7140 212 C	Toán, Hoá học, Sinh học (B00)	1								
6	SP Hoá học (dạy Hoá học bằng tiếng Anh)					Hóa học, Toán, Vật lí	IELTS ≥ 6.0;				
	7140 212B	Toán, Hoá học, Tiếng Anh (D07)	6	Toán ≥ 7.5, Tiếng Anh ≥ 7. 5, Hóa học ≥ 8.0	4		TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	Hó a học	Tiế ng An h	5	PT5

7	SP Khoa học tự nhiên					Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600				
	7140 247A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	10	Vật lí, Hóa học, Sinh học	25			Vật lí	Toá n	9	PT5
	7140 247B	Toán, Hoá học, Sinh học (B00)	10					Hó a học	Toá n	8	
	7140 247 C							Sin h học	Toá n	8	
8	SP Ngữ văn					Ngữ văn	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện a1,a2,a 3				
	7140 217 C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	45	Ngữ văn	11 1			Ng ữ văn	Lịc h sử	60	PT5
	7140 217 D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02, D03)	35					Ng ữ văn	Tiế ng An h	50	PT5
9	SP Lịch sử					Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600				
	7140 218 C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	10	Lịch sử	25			Lịc h sử	Ng ữ văn	6	PT5

	7140 218 D	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (D14)	2					Lịch sử	Tiếng Anh	2	PT5
10	SP Lịch sử - Địa lý					Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				
	7140 249A	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00)	15	Lịch sử, Địa lý	40			Lịch sử	Ng ữ văn	15	PT5
	7140 249B							Địa lý	Ng ữ văn	15	
11	SP Tiếng Anh					Tiếng Anh	IELTS \geq 6.5; TOEFL iBT \geq 79				
	7140 231A	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh *2(D01)	40	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh*2	60			Tiếng Anh	Ng ữ văn	30	PT5
	7140 231B							Tiếng Anh	Toá n	30	PT5
12	Giáo dục Mầm non					Toán, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				Cộn g với điể m thi nă ng
	7140 201A	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (M00)	13 2	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	8			Ng ữ văn	Toá n	15	

13	Giáo dục Mầm non - SP Tiếng Anh					Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600				khiế u (hệ số 1) (mụ c 7.1) để xét tuyể n the o PT5
	7140 201B	Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu (M01)	15	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	5			Tiế ng An h	Toá n	5	
	7140 201 C	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (M02)	15					Tiế ng An h	Ng ữ văn	5	
14	Giáo dục Tiểu học					Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Chỉ xét tuyể n thí sinh thỏa mãn điều kiện a1,a2,a 3				
	7140 202A	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02, D03)	50	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	40			Toá n	Ng ữ văn	50	PT5
15	Giáo dục Tiểu học – Sư phạm Tiếng Anh										
	7140 202B	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	25	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	15	Ng ữ văn	Tiế ng An h	10	PT5		
	7140 202 C					Toá n	Tiế ng An h	10	PT5		

16	SP Âm nhạc					Âm nhạc	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện b1,b2 đối với các ngành năng khiếu				PT4
	7140 221A	Toán, HÁT*2, Thẩm âm - Tiết tấu	5	Toán	10			Hát	Thẩm âm - Tiết tấu	70	
	7140 221B	Ngữ văn, HÁT*2, Thẩm âm - Tiết tấu	5	Ngữ văn							
17	SP Mỹ thuật					Mỹ thuật	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện b1,b2 đối với các ngành năng khiếu				
	7140 222A	Toán, HÌNH HỌA*2, Trang trí	5	Toán	10			Hình họa	Trang trí	60	
	7140 222B	Ngữ văn, HÌNH HỌA*2, Trang trí	5	Ngữ văn							
18	Giáo dục thể chất					Các giải thể dục thể thao, kiện tướng quốc gia, vận	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện b1,b2 đối với các ngành				
	7140 206	Toán, BẬT XA*2, Chạy 100m	5	Toán	15			Bật xa	Chạy 100 m	70	

						động viên cấp 1	năng khiếu				
--	--	--	--	--	--	-----------------	------------	--	--	--	--

4.1.2 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2 và PT3, PT5

S T T	Ngành học/ mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	C hi tiêu u	Môn/Tổ hợp xét tuyển	C hi tiêu u	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Mô n 1 (hệ số 2)	Mô n 2 (hệ số 1)	C hi tiêu u	G hi chú
1	SP Tin học					Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; MOS ≥ 950				
	7140 210A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	60	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	15			Toá n	Vật lí	7	
	7140 210B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	30					Toá n	Tiếng Anh	8	
2	SP Sinh học					Sinh học, Hóa học	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600				
	7140 213B	Toán, Hoá học, Sinh học *2 (B00)	11	Sinh học ≥ 7.5	3			Sinh học	Hó a học	4	

	7140 213D	Toán, Tiếng Anh, Sinh học *2 (D08)	4					Sin h học	Tiế ng An h	3	
3	SP Công nghệ					Toán, Vật lí, Tin học	IELTS ≥ 6.0;				
	7140 246A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	25	Toán, Vật lí	50		TOEFL iBT ≥ 61;	Toá n	Vậ t lí	07	
	7140 246B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	15				TOEIC ≥ 600	Toá n	Tiế ng An h	03	
4	SP Địa lí					Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0;				
	7140 219B	Toán, Ngữ văn, Địa (C04)	30	Địa lí	12		TOEFL iBT ≥ 61;	Địa lí	Ng ữ văn	18	
	7140 219C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	12				TOEIC ≥ 600; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300	Địa lí	Lị c h sử	18	
5	SP Tiếng Pháp					Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0;				
						TOEFL iBT ≥ 61;					

	7140 233D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ*2 (D01,D02 ,D03)	10	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ*2	2		TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên (DELTA B1 tout public hoặc junior); TCF ≥ 300	Tiến g Anh	Ng ữ văn	4	
	7140 233C	Ngữ văn, Ngoại ngữ*2, Địa lí (D15,D42 ,D44)	4								
6	Giáo dục đặc biệt					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0;				
	7140 203C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	15	Ngữ văn	10		TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600;	Ng ữ văn	Tiê ng An h	15	
	7140 203D	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (D01,D02 ,D03)	10				DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300				
7	Giáo dục công dân					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0;				
	7140 204B	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	36	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	20		TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600;	Ng ữ văn	Lịc h sử	05	
	7140 204C	Ngữ văn, Địa lí,	36				DELTA từ B1 trở lên;				

		GDCD (C20)					TCF ≥ 300; MOS ≥ 950				
8	Giáo dục chính trị										
	7140 205B	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	10	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD	7			Ng ữ văn	Lịc h sử	03	
	7140 205C	Ngữ văn, Địa lí, GDCD (C20)	10								
9	Giáo dục Quốc phòng và An ninh					Tất cả các đội tuyển					
	7140 208C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	12	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	5			Ng ữ văn	Lịc h sử	05	
	7140 208D	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ (D01,D02 ,D03)	8					Ng ữ văn	Địa lí	05	

Lưu ý: Đối với các ngành sư phạm, Nhà trường cập nhật chỉ tiêu chính thức sau khi nhận được Công văn của Bộ GDĐT về phân bổ số lượng chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2024.

4.2. Các ngành khác (ngoài sư phạm)

4.2.1 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2, PT5

S T T	Ngà nh học/ mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	Ch ỉ tiê u	Môn/T ổ hợp xét tuyển	C h ỉ tiê u	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Mô n 1 (hệ số 2)	Mô n 2 (hệ số 1)	Ch ỉ tiê u	Gh ỉ ch ú
		<i>Nhóm ngành V:</i>									
1	Toán học					Toán , Vật lí, Hóa học, Tin học	Không ưu tiên xét tuyển thăng thí sinh có Chứng chỉ quốc tế				
	7460 101A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	30	Toán	20			Toá n	Vật lí	15	
	7460 101D	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01)	20					Toá n	Hó a học	15	
		<i>Nhóm ngành VII:</i>									
2	Văn học					Ngữ văn	Chỉ xét tuyển thí sinh thỏa mãn điều kiện a1,a2,a 3				
	7229 030C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	20	Ngữ văn	25			Ng ữ văn	Lịc h sử	20	
	7229 030D	Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ	10					Ng ữ văn	Tié ng An h	05	

		(D01,D02, D03)									
3	Ngôn ngữ Anh					Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5;				
	7220 201	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh *2 (D01)	15	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh*2	30		TOEFL iBT ≥ 79	Tiếng Anh	Ng ữ văn	15	

4.2.2 Các ngành xét tuyển theo PT1, PT2 và PT3, PT5

S T T	Ngành học/mã ngành	Xét tuyển theo PT1		Xét tuyển theo PT2 và PT3				Xét tuyển theo PT5			
		Tổ hợp môn xét tuyển	C h i t i ê u	Môn/ Tổ hợp xét tuyển	C h i t i ê u	Đội tuyển ưu tiên xét tuyển	Chứng chỉ Quốc tế ưu tiên xét tuyển	Mô n 1 (hệ số 2)	Mô n 2 (hệ số 1)	C h i t i ê u	G h i c h ú
	<i>Nhóm ngành I:</i>										
1	Quản lý giáo dục					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0;				
	714 0114 C	Ngữ văn, Địa lí, GDCD (C20)	2 8	Ngữ văn, Địa lí, GDC D	1 5		TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên;	Ng ữ văn	Lịch sử	1 2	

	714 0114 D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	1 0				TCF \geq 300; HSK \geq 4	Ng ữ văn	Tiế ng An h	0 5	
	<i>Nhóm ngành IV:</i>										
2	Hóa học					Hóa học, Toán , Vật lí	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				
	744 0112 A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	5 0	Toán \geq 7.5, Vật lí \geq 7. 5, Hoá học \geq 8.0	2 0			Hó a học	Toá n	3 0	
	744 0112 B	Toán, Hoá học, Sinh học (B00)	3 0								
3	Sinh học					Sinh học, Hóa học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600				
	742 010 1B	Toán, Hoá học, Sinh học*2 (B00)	4 5	Sinh học \geq 7.0	1 0			Sin h học	Hó a học	2 0	
	742 010 1D	Toán, Ngoại ngữ, Sinh học*2 (D08,D32,D34)	1 5					Sin h học	Tiế ng An h	1 0	
	<i>Nhóm ngành V:</i>										

4	Công nghệ thông tin					Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; MOS ≥ 950				
	7480201A	Toán, Vật lí, Hoá học (A00)	50	Toán, Vật lí, Hóa học	20			Toán	Vật lí	20	
	7480201B	Toán, Vật lí, Tiếng Anh (A01)	25					Toán	Tiếng Anh	05	
<i>Nhóm ngành VII:</i>											
5	Việt Nam học					Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300				
	7310630C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	35	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	30			Ngữ văn	Tiếng Anh	15	
	7310630D	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)	40								
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành					Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600;				
	7810103C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	35	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	20			Tiếng Anh	Ngữ văn	15	

				g Anh		g Anh	DELFL từ B1 trở lên; TCF ≥ 300				
	781 010 3D	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (D15)	4 0								
7	Ngôn ngữ Trung Quốc					Tiến g Anh, Tiến g Trun g Quốc	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp				
	722 020 4A	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh*2 (D01)	1 0	Tiến g Anh hoặc Tiến g Trun g	5			Tiế ng An h	Toá n	0 5	
	722 020 4B	Toán, Ngữ Văn, Tiếng Trung Quốc*2 (D04)	2 0					Tiế ng An h	Ng ữ văn	0 5	
8	Triết học (Triết học Mác - Lênin)					Tất cả các đội tuyể n					
	722 900 1B	Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT (C19)	5 5	(Ngữ văn ≥ 6, Lịch sử ≥ 6 , Địa lí ≥ 6) ≥ 20. 0	6 0			Ng ữ văn	Lịc h sử	0 5	

	722 900 1C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	5 5									
9	Chính trị học					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300					
	731 020 1B	Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19)	3 5	Ngữ văn, Ngoại ngữ, GDCD	1 5				Ngữ văn	Tiếng Anh	0 5	
	731 020 1C	Ngữ văn, Ngoại ngữ, GDCD (D66,D68,D70)	2 5									
1 0	Tâm lý học (Tâm lý học trường học)					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300					
	731 040 1C	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (C00)	5 0	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	2 5				Ngữ văn	Tiếng Anh	1 0	
	731 040 1D	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01,D02,D03)	5 5						Ngữ văn	Lịch sử	1 0	
1 1	Tâm lý học giáo dục					Tất cả các đội tuyển	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61;					

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển

5.1 Đối với các ngành đào tạo giáo viên (sư phạm)

Trường sẽ thông báo cụ thể sau khi Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên.

5.2 Đối với các ngành đào tạo khác (ngoài sư phạm)

Trường sẽ thông báo cụ thể sau khi Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên.

6. Các thông tin cần thiết khác về tuyển sinh đại học chính quy vào các ngành đào tạo của Trường

- Các ngành sư phạm không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

- Thí sinh dự thi vào ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh phải có sức khỏe tốt, thí sinh mắc tật khúc xạ cận hoặc viễn thị không quá 3dp; không có dị tật bẩm sinh, hình xăm phản cảm. Nam cao từ 1,60m trở lên; nữ cao từ 1,55m trở lên.

- Các thí sinh trúng tuyển các ngành Sư phạm Tin học, Sư phạm Sinh học sau khi nhập học có thể đăng kí để nhà trường xét tuyển tương ứng vào học các ngành Sư phạm Tin học (dạy Tin học bằng tiếng Anh), Sư phạm Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh), nếu có nguyện vọng.

- Chương trình Giáo dục Tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh đào tạo giáo viên Tiểu học có năng lực dạy tiếng Anh ở trường Tiểu học.

- Chương trình Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh đào tạo giáo viên Mầm non có năng lực tổ chức hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh ở trường Mầm non.

- Ngành Sư phạm Công nghệ: Đào tạo giáo viên công nghệ - giáo dục STEM trong trường phổ thông; giảng viên giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Ngành Giáo dục đặc biệt đào tạo giáo viên dạy trẻ khuyết tật và hoà nhập.

- Sinh viên học các ngành ngoài sư phạm và ngành Quản lý giáo dục phải đóng học phí theo quy định của Trường.

Sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên của Trường ĐHSP Hà Nội được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (*nếu đăng kí và cam kết phục vụ trong ngành giáo dục*) theo quy định của Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ. Nếu sinh viên không đăng kí hưởng hỗ trợ sẽ tự túc nộp học phí theo quy định của Trường.

- Thí sinh dự thi vào các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh cần phải đăng kí thi và dự thi các môn năng khiếu tổ chức tại Trường ĐHSP Hà Nội để lấy điểm xét tuyển.

* Trường không tổ chức phúc khảo kết quả thi năng khiếu.

- Nếu thí sinh xét tuyển theo phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả thi ĐGNL với kết quả thi các môn năng khiếu thì phải đăng kí thi các môn văn hóa tương ứng với tổ hợp xét tuyển tại Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 hoặc Kỳ thi ĐGNL của Trường ĐHSP Hà Nội để xét tuyển (*Xem thêm mục 7 về thi năng khiếu và thi ĐGNL*).

- Lệ phí thi, xét tuyển đã đóng sẽ không được hoàn trả lại trong bất cứ trường hợp nào.

- Thí sinh phải có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian và lịch thi theo quy định của nhà trường. Thí sinh vi phạm thời gian thi theo quy định sẽ không được dự thi và phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

- Các mốc thời gian tuyển sinh có thể được điều chỉnh, cập nhật theo Kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT và điều kiện thực tế của Nhà trường.

- Trong thời gian quy định của Bộ GDĐT về xét tuyển và lọc ảo toàn quốc, Hội đồng tuyển sinh của Trường xem xét điều chỉnh chỉ tiêu xét tuyển theo Phương thức 1. Việc điều chỉnh này dựa trên tổng chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành, chương trình đào tạo và số lượng thí sinh dự kiến trúng tuyển sau lọc ảo ở các phương thức xét tuyển sớm (các phương thức 2, 3, 4, 5); đảm bảo tuyển đúng và đủ chỉ tiêu theo quy định của Bộ GDĐT.

- Đối với người nước ngoài, Trường ĐHSP Hà Nội tuyển sinh theo Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam. Đối với diện Hiệp định, Trường tiếp nhận lưu học sinh vào học đại học chính quy theo quyết định của Bộ GDĐT. Đối với diện ngoài Hiệp định, thí sinh người nước ngoài nộp hồ sơ dự tuyển trực tiếp tại Trường và nộp lệ phí xét tuyển theo quy định của Trường trong năm tuyển sinh. Trường tổ chức xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung cùng với các đối tượng tuyển sinh khác.

7. Tổ chức thi tuyển sinh

7.1. Tổ chức thi các môn năng khiếu

Trường tổ chức thi các môn năng khiếu đối với thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành *Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non – Sư phạm Tiếng Anh*.

7.1.1. Điều kiện đăng kí xét tuyển

Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non – Sư phạm Tiếng Anh cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm tất cả 06 học kì cấp THPT đạt loại Khá trở lên.

- Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào ngành các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật và Giáo dục thể chất, *nếu không dùng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 mà chỉ dùng kết quả thi năng khiếu năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội để xét tuyển thì cần điều kiện:* có học lực lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên hoặc điểm tốt nghiệp THPT từ 6.5 trở lên.

* Đối với ngành Giáo dục thể chất, các thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại Xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì chỉ cần yêu cầu thí sinh tốt nghiệp THPT.

* Đối với các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, các thí sinh có điểm thi năng khiếu do Trường tổ chức đạt loại Xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì chỉ cần yêu cầu thí sinh tốt nghiệp THPT.

- Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2024, nếu đăng kí thi tốt nghiệp THPT năm 2024 thì có thể đăng kí xét tuyển theo PT1 theo kế hoạch, quy định chung của Bộ GDĐT. Đối với thí sinh không tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 thì có thể đăng kí thi ĐGNL theo tổ hợp quy định ở mục 4.1 để xét tuyển theo PT5 (*Xem thêm mục 7.2 về thi ĐGNL*).

* Thí sinh phải dự thi các môn thi năng khiếu được tổ chức tại Trường ĐHSP Hà Nội. Trường không sử dụng điểm thi năng khiếu do các trường khác cung cấp để xét tuyển.

7.1.2. Thông tin tuyển sinh các ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Giáo dục thể chất

7.1.2.1. Hai môn thi năng khiếu tuyển sinh vào ngành Sư phạm Âm nhạc gồm:

- Môn năng khiếu âm nhạc 1: Hát, hệ số 2 (thí sinh hát 02 bài hát, 01 bài dân ca và 01 ca khúc).

- Môn năng khiếu âm nhạc 2: Thảm âm - Tiết tấu, hệ số 1 (thí sinh thực hiện theo giám khảo 2 mẫu Thảm Âm và 2 mẫu Tiết tấu, ưu tiên cho thí sinh biết sử dụng nhạc cụ).

7.1.2.2. Hai môn thi năng khiếu tuyển sinh vào ngành Sư phạm Mỹ thuật gồm:

- Môn năng khiếu mỹ thuật 1 (240 phút): Hình họa chì, hệ số 2 (vẽ tượng chân dung, khổ giấy A2, tương đương kích thước 40cm x 60 cm).

- Môn năng khiếu mỹ thuật 2 (210 phút): Trang trí, hệ số 1 (vẽ mẫu trang trí các hình vuông, tròn, chữ nhật, đường diềm, bài thi vẽ bằng màu vẽ trên giấy trắng, khổ giấy A2, tương đương kích thước 40cm x 60cm).

7.1.2.3. Hai môn thi năng khiếu tuyển sinh vào ngành Giáo dục thể chất gồm:

- Môn năng khiếu GDTC 1: Bật xa, hệ số 2.

- Môn năng khiếu GDTC 2: Chạy 100m, hệ số 1.

7.1.2.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Tổng điểm thi (*đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có*) đạt từ 18,0 điểm trở lên, theo thang điểm 30 nếu xét tuyển kết hợp với kết quả học bạ THPT. Trường hợp khác, theo ngưỡng quy định của Bộ GDĐT và của Trường ĐHSP Hà Nội, nếu có.

7.1.3. Thông tin tuyển sinh các ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh

Môn thi năng khiếu (hệ số 1) tuyển sinh vào ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh gồm 02 nội dung:

- Nội dung 1: Hát (bao gồm Hát và Thảm âm - Tiết tấu)

- Nội dung 2: Kể chuyện và đọc diễn cảm

Điểm thi môn năng khiếu là trung bình cộng điểm thi của 02 nội dung trên. Nếu thí sinh chỉ dự thi một trong hai nội dung trên thì không được tính điểm để xét tuyển.

Ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non - Sư phạm Tiếng Anh: Chỉ sử dụng kết quả thi môn năng khiếu do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức thi. Điểm thi năng khiếu của thí sinh sẽ được cập nhật lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT để Nhà trường xét tuyển theo PT1 hoặc kết hợp với điểm thi ĐGNL của Trường ĐHSP Hà Nội để xét tuyển theo PT5.

7.1.4. Hồ sơ đăng ký dự thi

- File ảnh chụp/scan Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.

- File ảnh chân dung (ảnh thẻ 4x6).

- File ảnh chụp/scan bản chính học bạ THPT (đầy đủ 06 học kì).
- File ảnh chụp/scan Giấy tờ ưu tiên về đối tượng tuyển sinh (nếu có).

7.1.5. Lệ phí thi

Lệ phí thi: 300.000đ/01 hồ sơ.

Thí sinh thực hiện nộp lệ phí thi theo Hướng dẫn trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Nhà trường đối chiếu khi cần thiết.

7.1.6. Hình thức đăng kí xét tuyển

Đăng kí trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội tại địa chỉ: <https://ts2024.hnue.edu.vn/>. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục Nộp các file minh chứng.

7.1.7. Thời gian và địa điểm thi

7.1.7.1. Thời gian thi

- Ngày 04/07/2024: Phổ biến quy chế thi.
- Ngày 05, 06 và 07/07/2024: Thi các môn năng khiếu (*danh sách thí sinh dự thi theo các ca thi sẽ được công bố trước ngày 26/06/2024 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội*).

7.1.7.2. Địa điểm thi: Trường ĐHSP Hà Nội, số 136 Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

7.1.8. Thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả

- Nộp hồ sơ từ ngày 22/5/2024 đến ngày 22/6/2024.
- Công bố kết quả: trước ngày 10/07/2024 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội (đối với thí sinh xét tuyển kết hợp kết quả thi năng khiếu với điều kiện học lực THPT hoặc kết quả thi ĐGNL tại Trường ĐHSP Hà Nội).
- Thí sinh xét tuyển kết hợp kết quả thi năng khiếu với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT để xét tuyển theo PT1.

7.1.9. Đăng kí nguyện vọng xét tuyển, xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học

- Thí sinh thuộc diện đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức kết hợp kết quả thi năng khiếu với điều kiện học lực THPT (PT4) hoặc kết hợp kết quả thi năng khiếu với kết quả thi ĐGNL của Trường ĐHSP Hà Nội (PT5) phải đăng kí nguyện vọng xét

tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT với thứ tự nguyện vọng là 1 mới thực sự trúng tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội.

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến theo thời gian quy định của Bộ GDĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Thí sinh kê khai thông tin trên Hệ thống nhập học trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội và nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại Khoa đào tạo. Thời gian nhập học cụ thể Trường sẽ thông báo cùng với thông báo kết quả trúng tuyển.

Lưu ý: Nhà trường không gửi giấy báo dự thi đến từng thí sinh, thí sinh tra cứu thông tin số báo danh, phòng thi trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Nếu còn có vấn đề chưa rõ có thể gọi điện thoại theo số hotline 0865.911.136 để được giải đáp.

7.2. Tổ chức thi đánh giá năng lực đối với các ngành xét tuyển theo phương thức 5 (PT5)

Trường tổ chức thi ĐGNL các môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí với thí sinh thỏa mãn điều kiện xét tuyển quy định tại mục 3.5 có nguyện vọng xét tuyển vào các ngành của Trường theo PT5.

7.2.1. Nguyên tắc xét tuyển

Xét tuyển theo từng ngành từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu dựa theo tổng điểm các môn thi (*đã nhân hệ số 2*) của tổ hợp đăng ký xét tuyển quy định tại mục 4 và điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo PT5: Tổng điểm thi (*đã nhân hệ số và cộng điểm ưu tiên, nếu có*) đạt từ 18,0 điểm trở lên, theo thang điểm 30.

7.2.2. Thời gian và địa điểm thi

7.2.2.1. Thời gian thi: Ngày 11/05/2024, quy định cụ thể như sau:

Ca thi	Môn thi	Thời gian thi	Môn thi	Thời gian thi	Ghi chú
Ca 1: 7h15 – 8h45	Toán	90 phút			Đề thi tiếng Anh sáng và chiều là tương đương

Ca 2: 9h15-10h15; 10h45	Ngữ văn	90 phút	Tiếng Anh	60 phút	
Ca 3: 13h15 – 14h15	Vật lí	60 phút	Lịch sử	60 phút	
Ca 4: 14h45 – 15h45	Hóa học	60 phút	Địa lí	60 phút	
Ca 5: 16h15 – 17h15	Sinh học	60 phút	Tiếng Anh	60 phút	

7.2.2.2. Địa điểm thi

- Địa điểm 1: Trường ĐHSP Hà Nội, số 136 Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
- Địa điểm 2: Trường Đại học Quy Nhơn, số 170 An Dương Vương, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Địa điểm 3: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, số 459 Tôn Đức Thắng, Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

7.2.3. Hồ sơ đăng kí dự thi

- File ảnh chụp/scan Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- File ảnh chân dung (ảnh thẻ 4×6).
- File ảnh chụp/scan bản chính học bạ THPT (đầy đủ 06 học kì).
- File ảnh chụp/scan Giấy tờ ưu tiên về đối tượng tuyển sinh (nếu có).

7.2.4. Lệ phí thi

Lệ phí thi: 200.000đ/01 môn thi.

Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/01 nguyện vọng xét tuyển.

Thí sinh thực hiện nộp lệ phí thi theo Hướng dẫn trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Nhà trường đối chiếu khi cần thiết.

7.2.5. Hình thức đăng kí xét tuyển

Đăng kí trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục Nộp các file minh chứng.

7.2.6. Thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả

- Nộp hồ sơ từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/04/2024.
- Công bố kết quả thi: trước ngày 01/06/2024 (công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội).
- Công bố kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 25/06/2024 (công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội).

7.2.7. Đăng kí nguyện vọng xét tuyển, xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học

- Thí sinh thuộc diện đủ điều kiện trúng tuyển theo phương thức 5 phải đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT với thứ tự nguyện vọng là 1 mới thực sự trúng tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội.
- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến theo thời gian quy định của Bộ GDĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.
- Thí sinh kê khai thông tin trên Hệ thống nhập học trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội và nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại Khoa đào tạo. Thời gian nhập học cụ thể Trường sẽ thông báo cùng với thông báo kết quả trúng tuyển.

Lưu ý: Nhà trường không gửi giấy báo dự thi đến từng thí sinh, thí sinh tra cứu thông tin số báo danh, phòng thi trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Nếu còn có vấn đề chưa rõ có thể gọi điện thoại theo số điện thoại hotline 0865.911.136 để được giải đáp.

8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

- Trường ĐHSP Hà Nội xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 1,2, điều 8 của *Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non* của Bộ GDĐT (gọi tắt là diện XTT1). Thí sinh phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường ĐHSP Hà Nội.
- Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức cho thí sinh tự chọn đăng kí viết bài luận và phỏng vấn xét tuyển thẳng nếu thí sinh có bài luận được đánh giá tốt hoặc ưu tiên cộng điểm xét tuyển theo PT2, PT3.
- Trường ĐHSP Hà Nội ưu tiên xét tuyển thẳng theo 02 phương thức sau:

8.1. Phương thức tuyển sinh 2 (PT2) (gọi tắt là diện XTT2)

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển*: xem cụ thể tại mục 3.2.
- *Nguyên tắc xét tuyển*: xem cụ thể tại mục 3.2.

8.2. Phương thức tuyển sinh 3 (PT3) (gọi tắt là diện XTT3)

- *Điều kiện đăng kí xét tuyển*: xem cụ thể tại mục 3.3.

- *Nguyên tắc xét tuyển*: xem cụ thể tại mục 3.3.

8.3. Danh sách các ngành xét tuyển theo PT2 và PT3 xem tại mục 4.1.2 và 4.2.2:

8.4. Nộp hồ sơ đăng kí xét tuyển diện XTT2, XTT3

8.4.1. Quy định về hồ sơ đăng kí xét tuyển

- File ảnh chụp/scan bản chính học bạ THPT (đầy đủ 06 học kì).

- File ảnh chụp/scan bản chính các giấy tờ minh chứng đáp ứng diện XTT2 (nếu có).

- File ảnh chụp/scan bản chính các giấy tờ ưu tiên (nếu có).

Chú ý: Thí sinh chỉ được đăng kí xét tuyển thẳng diện XTT2, XTT3 vào 01 ngành đào tạo.

8.4.2. Hình thức đăng kí xét tuyển

- Đăng kí xét tuyển diện XTT2, XTT3 trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh đại học năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội. Các hồ sơ theo quy định ở trên phải được scan và đính kèm đầy đủ trong mục các hồ sơ đính kèm.

- *Lệ phí xét tuyển thẳng*: 20.000đ/01 hồ sơ.

Lệ phí đánh giá bài luận (đối với thí sinh đăng kí viết bài luận): 20.000đ/01 bài luận.

Thí sinh thực hiện nộp lệ phí thi theo Hướng dẫn trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Nhà trường đối chiếu khi cần thiết.

8.4.3. Thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả xét tuyển

- Nộp hồ sơ từ ngày 19/05/2024 đến ngày 12/06/2024.

- Công bố kết quả: trước 17h00 ngày 25/06/2024 (công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh đại học năm 2024 của Trường ĐHSP Hà Nội).

8.4.4. Đăng kí nguyện vọng xét tuyển, xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học

- Thí sinh thuộc diện đủ điều kiện trúng tuyển theo các phương thức 2 và phương thức 3 phải đăng kí nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển

sinh chung của Bộ GDĐT theo thời gian quy định của Bộ GDĐT với thứ tự nguyện vọng là 1 mới thực sự trúng tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội.

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến theo thời gian quy định của Bộ GDĐT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.

- Thí sinh kê khai thông tin trên Hệ thống nhập học trực tuyến của Trường ĐHSP Hà Nội và nộp hồ sơ nhập học trực tiếp tại Khoa đào tạo. Thời gian nhập học cụ thể Trường sẽ thông báo cùng với thông báo kết quả trúng tuyển.

Lưu ý: Nhà trường không gửi giấy báo kết quả trúng tuyển đến từng thí sinh. Thí sinh tra cứu thông tin trên trang tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội tại địa chỉ <http://tuyensinh.hnue.edu.vn>. Nếu còn có vấn đề chưa rõ, thí sinh có thể gọi điện thoại theo số hotline 0865.911.136 để được giải đáp./.

<p><i>Nơi nhận:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Bộ GDĐT (để báo cáo);- TT. CNTT (để đưa lên Cổng thông tin điện tử);- Các khoa đào tạo;- Thanh tra giáo dục;- Các cá nhân quan tâm;- Lưu: VT, ĐT.	<p>HIỆU TRƯỞNG</p> <p><i>(đã ký)</i></p> <p>PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn</p>
--	--

Nội dung liên quan

- [THÔNG BÁO NHẬP HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN MỚI KHÓA 74](#)